TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09/4/2024
Về việc "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thụy Hồng Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hồng Hải

2. Bà Hoàng Thị Kim Yến

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hiên, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Gấm, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 920/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1981. Địa chỉ: 3 H, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1979. Địa chỉ: 1 T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày: Bà và ông Nguyễn Thành Đ tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2015, quyển số 01/2015, ngày 14 tháng 9 năm 2015.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung ở nhà cha mẹ ông Đ số 120/31 T, Phường A, quận T. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khác biệt về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện xin ly hôn với ông Đ để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Xuân L, sinh ngày 18/11/2017. Ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung: Bà xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà xác định không có nợ chung với ông Đ.

Bị đơn ông Nguyễn Thành Đ trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của bà B về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống nhận thấy cuộc sống hôn nhân hoàn toàn bình thường, đến cuối tháng 8/2023, bà B đột ngột chuyển trường học cho con về Quận G, không cho ông trực tiếp gặp con và cũng không gặp ông để bàn bạc chuyện gia đình. Ông vẫn muốn được hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vào tháng 9/2023, bà B có yêu cầu ông đến đón con và gặp con tại nhà ngoại bên Quận G nhưng trước đó thái độ của gia đình ngoại không hợp tác, gây khó khăn cho ông nên việc gặp con tại nhà ngoại là không phù hợp. Trước yêu cầu ly hôn của bà B, ông không đồng ý.

Về con chung: có 01 con chung Nguyễn Thanh Xuân L, sinh ngày 18/11/2017. Hiện tại, ông đồng ý cho con tiếp tục ở tại nhà ông bà ngoại, học tại trường học đang học hiện tại nhưng đề nghị bà B phải tạo điều kiện cho ông được thăm gặp con vào cuối tuần, ngày lễ tết phải để ông đón con về nhà chăm sóc vì con còn nhỏ, cần có đầy đủ tình thương của cha mẹ. Trường hợp bà B vẫn không tạo điều kiện cho ông thăm con thì ông sẽ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Ông Đ xác nhận sẽ tự thỏa thuận với bà B, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông Đ xác nhận không có.

Tại phiên tòa:

Bà Bích giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên, tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Thành Đ trình bày: Ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng nhưng thời gian ly thân của vợ chồng đã lâu, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung để hàn gắn tình cảm nên ông đồng ý ly hôn. Về con chung: Ông đồng ý để bà B tiếp tục nuôi dưỡng con chung, nhưng phải tạo điều kiện để ông đưa con về nhà nội chơi vào ngày cuối tuần, các dịp lễ tết phải cho con dành nửa thời gian về nhà nội. Ông đảm bảo khi bà B tạo điều kiện thuận lợi để ông được đón con về nhà nội, thăm gặp và chăm sóc con thì ông sẽ tiếp tục giao con cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng và không thay đổi trường học của con. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thông qua việc kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thực hiện tống đạt các quyết định cho các bên đương sự đầy đủ. Thẩm phán thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án các đương sự thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2015, quyển số 01/2015, do Ủy ban nhân dân phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/9/2015 thì quan hệ hôn nhân của bà B và ông Đ là hợp pháp. Xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa bà B và ông Đ là trầm trọng, cả hai cùng thống nhất đồng ý ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận: bà Bích ly h với ông Đ; về con chung: có 01 con chung trẻ Nguyễn Thanh Xuân L, sinh ngày 18/11/2017, ghi nhận ông Đ đồng ý để bà B trực tiếp nuôi dưỡng và bà Bích t điều kiện cho ông Đ thăm con sau khi ly hôn, ghi nhận ông Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng; về tài sản chung ghi nhận hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung ghi nhận cả hai xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc B có đơn khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ, cư trú tại địa chỉ: 1 T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: căn cứ Khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm do Tòa án có thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận T về xác minh mâu thuẫn gia đình.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung: Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 73/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2015 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Nguyễn Thành Đ là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét đề nghị của bà Nguyễn Thị Ngọc B yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Thành Đ. Nhận thấy: Bà B và ông Đ kết hôn hợp pháp, quá trình chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình trạng mâu thuẫn kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn. Ông Đ không đồng ý ly hôn tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà B kiên quyết ly hôn, cả hai cũng không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa sau phần tranh tụng,

Hội đồng xét xử đã hòa giải động viên nhưng bà B giữ nguyên yêu cầu ly hôn, ông Đ1 cũng đồng ý ly hôn nên ghi nhận thuận tình ly hôn.

[5] Nhận xét về con chung như sau: Bà B và ông Đ có 01 con chung trẻ Nguyễn Thanh Xuân L, sinh ngày 18/11/2017. Bà B yêu cầu nuôi con, ông Đ đồng ý tuy nhiên đề nghị bà B tạo điều kiện cho ông thăm con sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử đã giải thích về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo các Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận thỏa thuận giao bà B trực tiếp nuôi con và ghi nhận cả hai thỏa thuận ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà B và ông Đ xác nhận tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà B và ông Đ xác nhận không có.

[7] Về án phí: Theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được tính vào tạm ứng án phí do bà B đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0024017 ngày 07/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 19, Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc B:

- Về hôn nhân: ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Nguyễn Thành Đ.

- Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng con chung con chung Nguyễn Thanh Xuân L, sinh ngày 18/11/2017, ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên, bắt đầu thi hành cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Bà B và ông Đ xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà B và ông Đ xác nhận không có.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được tính vào tạm ứng án phí do bà B đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0024017 ngày 07/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Bà B, ông Đ có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- TANDTP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thụy Hồng Châu